



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 29



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này được điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/05/2020), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là 29/01/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 11.264.740.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40,17%.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2022: 11.264.740.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84) 0256.3522453
- Fax: (84) 0256.3522853
- Email: bidisabico@vnn.vn
- Website: www.sachthietbibinhdinhh.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dung nội thất tương tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 31 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Hồ Phú Cường | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |
| • Ông Phạm Đình Thuán | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |
| • Bà Diệp Cẩm Nhung | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |
| • Ông Huỳnh Thanh Long | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/04/2022 |
| • Ông Nguyễn Duy Nhâm | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |
| • Ông Bùi Đức Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2019
Miễn nhiệm ngày 04/04/2022 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--|
| • Ông Đặng Công Đức | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hoa | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Miễn nhiệm ngày 04/04/2022 |
| • Ông Hồ Ngun | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/04/2022 |
| • Ông Trần Hữu Duy Trung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/04/2022 |
| • Ông Trần Hoàng Nam | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/05/2017
Miễn nhiệm ngày 04/04/2022 |

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Đình Thuấn | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |
| • Bà Diệp Cẩm Nhung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022 |

Kiểm toán độc lập

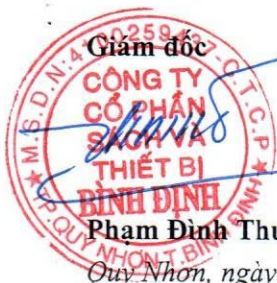
Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Đình Thuấn

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 786/2022/B^C SX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 06/08/2022 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.912.213.029	20.203.635.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.549.476.214	292.422.655
1. Tiền	111	5	3.549.476.214	292.422.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.500.000.000	5.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	6.500.000.000	5.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.952.403.398	1.907.960.490
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.612.391.743	1.682.580.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.142.962	22.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	393.612.574	284.118.575
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(78.743.881)	(80.738.881)
IV. Hàng tồn kho	140	10	25.882.931.520	12.441.214.874
1. Hàng tồn kho	141		26.216.059.860	12.757.615.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(333.128.340)	(316.400.309)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.401.897	62.037.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	8.929.000	19.432.125
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	18.472.897	42.605.470
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.136.660.717	4.321.717.078
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.693.904.255	3.840.958.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	576.273.468	674.629.191
- Nguyên giá	222		5.593.238.150	5.593.238.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.016.964.682)	(4.918.608.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.117.630.787	3.166.328.923
- Nguyên giá	228		4.038.215.400	4.038.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(920.584.613)	(871.886.477)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.279.091	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50.279.091	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		392.477.371	480.758.964
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	392.477.371	480.758.964
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.048.873.746	24.525.352.692

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.591.977.839	10.431.557.740
I. Nợ ngắn hạn	310		39.501.977.839	10.341.557.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.599.954.455	4.054.388.887
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	156.403.863	7.305.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	278.670.206	237.287.614
4. Phải trả người lao động	314		1.157.683.944	1.954.577.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		278.404	1.465.817
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	40.000.000	40.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	113.815.199	203.858.329
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	752.720.044	3.555.543.808
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		402.451.724	287.130.676
II. Nợ dài hạn	330		90.000.000	90.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	90.000.000	90.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.456.895.907	14.093.794.952
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.456.895.907	14.093.794.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	948.112.707	869.439.024
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.244.043.200	1.959.615.928
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		518.447.197	386.142.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		725.596.003	1.573.473.656
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.048.873.746	24.525.352.692



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	38.470.511.085	35.466.254.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.634.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		38.470.511.085	35.462.620.425
4. Giá vốn hàng bán	11	23	34.699.845.848	32.587.578.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		3.770.665.237	2.875.041.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	86.615.995	239.523.156
7. Chi phí tài chính	22	25	80.439.808	40.807.706
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>80.439.808</i>	<i>40.807.706</i>
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	1.523.599.539	1.290.621.725
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	1.552.306.782	1.216.967.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		700.935.103	566.168.105
11. Thu nhập khác	31	27	233.169.334	197.094.072
12. Chi phí khác	32	28	20.651.601	28.629.891
13. Lợi nhuận khác	40		212.517.733	168.464.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		913.452.836	734.632.286
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	187.856.833	157.620.440
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		725.596.003	577.011.846
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	502	435
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	502	435



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		27.689.795.959	26.646.906.524
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(16.622.210.681)	(19.198.945.082)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.713.904.000)	(2.029.513.200)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(81.627.221)	(40.194.967)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(219.020.330)	(51.641.375)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.039.492.241	1.039.060.330
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(949.665.624)	(865.197.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.142.860.344	5.500.474.729
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(50.279.091)	(102.543.922)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(4.500.000.000)	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	3.500.000.000	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,24	107.046.320	140.145.495
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(943.232.771)	(6.962.398.427)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	14.407.545.628	12.875.128.443
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(17.210.369.392)	(9.591.387.604)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18.a, 20	(1.139.750.250)	(838.229.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.942.574.014)	2.445.511.589
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.257.053.559	983.587.891
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	292.422.655	2.053.287.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.549.476.214	3.036.875.372



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này được điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/05/2020), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trong tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất trang trí, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp nhận trước; doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống,... Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện trong tương lai.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	176.970.734	2.995.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.372.505.480	289.426.865
Cộng	3.549.476.214	292.422.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	6.500.000.000	6.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000

Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại các Ngân hàng. Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Mai Thị Ngọc Nga	2.772.186.078	146.740.001
Phan Hoàng Tâm	1.221.364.227	30.753.301
Nguyễn Thị Bích Trâm	2.506.581.895	6.630.539
Kiều Thị Kim Cúc	1.015.905.663	25.460.694
Công ty CP Phát hành sách Tp. Hồ Chí Minh - FAHASA	1.317.665.184	-
Các đối tượng khác	3.778.688.696	1.472.996.261
Cộng	12.612.391.743	1.682.580.796

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công đoàn Công ty	51.110.500	-	86.800.500	-
Lãi dự thu	133.000.000	-	156.482.192	-
Phải thu khác	209.502.074	-	40.835.883	-
Cộng	393.612.574	-	284.118.575	-

9. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	78.743.881	80.738.881
- Từ 3 năm trở lên	78.743.881	80.738.881
Cộng	78.743.881	80.738.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	30/06/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	78.743.881	-		
- Nguyễn Thị Liễu	50.965.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	78.743.881	-		

	01/01/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	80.738.881	-		
- Nguyễn Thị Liễu	52.960.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán	-	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	80.738.881	-		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

10. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.627.561.972	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	296.239.982	-	66.121.527	-
Công cụ, dụng cụ	3.514.902	-	817.811	-
Thành phẩm	17.641.953	-	21.438.384	-
Hàng hóa	23.271.101.051	(333.128.340)	12.669.237.461	(316.400.309)
Cộng	26.216.059.860	(333.128.340)	12.757.615.183	(316.400.309)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 356.385.527 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí bảo hiểm	8.929.000	19.432.125
Cộng	8.929.000	19.432.125

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	87.236.989	106.407.552
Chi phí sửa chữa văn phòng	305.240.382	374.351.412
Cộng	392.477.371	480.758.964

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	5.593.238.150
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	5.593.238.150
Khấu hao			
Số đầu kỳ	4.312.038.718	606.570.241	4.918.608.959
Khấu hao trong kỳ	35.708.393	62.647.330	98.355.723
Số cuối kỳ	4.347.747.111	669.217.571	5.016.964.682
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	129.080.341	545.548.850	674.629.191
Số cuối kỳ	93.371.948	482.901.520	576.273.468

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2022.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 3.193.141.901 đồng.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Khấu hao			
Số đầu kỳ	838.553.143	33.333.334	871.886.477
Khấu hao trong kỳ	40.364.804	8.333.332	48.698.136
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	878.917.947	41.666.666	920.584.613
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.149.662.257	16.666.666	3.166.328.923
Số cuối kỳ	3.109.297.453	8.333.334	3.117.630.787

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2022.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	23.953.179.449	148.836.168
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	9.603.878.580	251.556.886
Cty TNHH Sản xuất TMDV Tân Thuận Tiến	907.605.845	-
Các đối tượng khác	2.135.290.581	3.653.995.833
Cộng	36.599.954.455	4.054.388.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Hồ Thị Hương	25.630.540	-
Mai Thị Lành	20.241.140	-
Nguyễn Thị Như Hằng	20.737.500	-
Các đối tượng khác	89.794.683	7.305.395
Cộng	156.403.863	7.305.395

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	18.267.284	120.730.644	48.184.555	-	90.813.373
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	219.020.330	187.856.833	219.020.330	-	187.856.833
Thuế thu nhập cá nhân	39.066.169	-	204.907.835	184.314.563	18.472.897	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.539.301	-	261.141.970	257.602.669	-	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	42.605.470	237.287.614	786.637.282	721.122.117	18.472.897	278.670.206

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	40.000.000	40.000.000
Cộng	40.000.000	40.000.000

18. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	8.262.718	7.916.598
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.000.000	78.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.552.481	117.941.731
- Cổ tức phải trả	8.144.250	21.420.500
- Phải trả khác	19.408.231	96.521.231
Cộng	113.815.199	203.858.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	90.000.000

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Bình Định	3.555.543.808	14.407.545.628	17.210.369.392	752.720.044
Cộng	3.555.543.808	14.407.545.628	17.210.369.392	752.720.044

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	11.264.740.000	801.184.688	1.504.015.115	13.569.939.803
Tăng trong kỳ	-	68.254.336	1.573.473.656	1.641.727.992
Giảm trong kỳ	-	-	1.117.872.843	1.117.872.843
Số dư tại 31/12/2021	11.264.740.000	869.439.024	1.959.615.928	14.093.794.952
Số dư tại 01/01/2022	11.264.740.000	869.439.024	1.959.615.928	14.093.794.952
Tăng trong kỳ	-	78.673.683	725.596.003	804.269.686
Giảm trong kỳ	-	-	1.441.168.731	1.441.168.731
Số dư tại 30/06/2022	11.264.740.000	948.112.707	1.244.043.200	13.456.895.907

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.264.740.000	11.264.740.000
- Vốn góp đầu kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.126.474.000	844.855.500

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.959.615.928	1.504.015.115
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	725.596.003	577.011.846
Phân phối lợi nhuận	1.441.168.731	1.117.872.843
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.441.168.731	1.117.872.843
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	1.126.474.000	844.855.500
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	78.673.683	68.254.336
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	236.021.048	204.763.007
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.244.043.200	963.154.118

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 04/04/2022.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 04/04/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương ứng 1.126.474.000 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***21. Tài sản nhận giữ hộ**

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng. Trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán sách	28.981.686.284	27.230.850.305
Doanh thu thiết bị giáo dục	8.915.548.133	7.637.210.157
Doanh thu khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	573.276.668	598.194.290
Cộng	38.470.511.085	35.466.254.752

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn bán sách	26.427.093.859	25.579.717.228
Giá vốn thiết bị giáo dục	8.168.614.727	6.857.919.291
Giá vốn khác (gỗ, mộc, cho thuê mặt bằng)	87.409.231	149.942.055
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.728.031	-
Cộng	34.699.845.848	32.587.578.574

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	83.564.128	192.792.722
Chiết khấu thanh toán	3.051.867	46.730.434
Cộng	86.615.995	239.523.156

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí lãi vay	80.439.808	40.807.706
Cộng	80.439.808	40.807.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân công	1.254.697.149	1.025.017.824
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	37.779.100	90.259.218
Các khoản khác	231.123.290	175.344.683
Cộng	1.523.599.539	1.290.621.725

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân công	720.176.477	592.560.313
Chi phí thuê đất	228.618.654	122.745.629
Các khoản khác	603.511.651	501.661.529
Cộng	1.552.306.782	1.216.967.471

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thu tiền điện, nước	15.767.459	20.817.880
Tiền hỗ trợ, quảng cáo	201.500.000	175.500.000
Các khoản thu nhập khác	15.901.875	776.192
Cộng	233.169.334	197.094.072

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
Các khoản chi phí khác	2.151.601	10.129.891
Cộng	20.651.601	28.629.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	913.452.836	734.632.286
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	25.831.327	53.469.914
- Điều chỉnh tăng	25.831.327	53.469.914
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
+ Phụ cấp Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	-	21.036.000
+ Chi phí không hợp lệ	7.331.327	13.933.914
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	939.284.163	788.102.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	187.856.833	157.620.440

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	725.596.003	577.011.846
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(159.631.121)	(86.551.777)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	159.631.121	86.551.777
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	565.964.882	490.460.069
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	502	435

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.629.824	48.779.838
Chi phí nhân công	1.975.583.626	1.618.963.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.053.859	163.582.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.953.437	377.695.429
Chi phí khác bằng tiền	587.189.814	435.810.979
Cộng	3.133.410.560	2.644.831.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	36.599.954.455	-	36.599.954.455
Chi phí phải trả	278.404	-	278.404
Vay và nợ thuê tài chính	752.720.044	-	752.720.044
Phải trả khác	105.552.481	90.000.000	195.552.481
Cộng	37.458.505.384	90.000.000	37.548.505.384

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.054.388.887	-	4.054.388.887
Chi phí phải trả	1.465.817	-	1.465.817
Vay và nợ thuê tài chính	3.555.543.808	-	3.555.543.808
Phải trả khác	195.941.731	90.000.000	285.941.731
Cộng	7.807.340.243	90.000.000	7.897.340.243

Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.549.476.214	-	3.549.476.214
Đầu tư tài chính	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải thu khách hàng	12.612.391.743	-	12.612.391.743
Phải thu khác	342.502.074	-	342.502.074
Cộng	23.004.370.031	-	23.004.370.031

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.422.655	-	292.422.655
Đầu tư tài chính	5.500.000.000	-	5.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.682.580.796	-	1.682.580.796
Phải thu khác	197.318.075	-	197.318.075
Cộng	7.672.321.526	-	7.672.321.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	26.521.193.349	17.090.413.130

c. Số dư trọng yếu với các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	9.603.878.580	251.556.886
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	23.953.179.449	148.836.168
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP HCM	7.972.507	467.489.454
Cộng	33.565.030.536	867.882.508

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thù lao của Hội đồng quản trị		-	28.047.059
Ông Hồ Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	-	7.011.765
Ông Phạm Đình Thuận	Thành viên	-	4.908.235
Bà Diệp Cẩm Nhung	Thành viên	-	4.908.235
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên	-	6.310.588
Ông Nguyễn Duy Nhâm	Thành viên	-	4.908.235
Thu nhập của Ban kiểm soát		-	7.712.940
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban	-	3.505.882
Ông Đặng Công Đức	Thành viên	-	2.103.529
Ông Trần Hoàng Nam	Thành viên	-	2.103.529
Lương và thưởng của Ban Giám đốc			
Ông Phạm Đình Thuận	Giám đốc	326.521.000	235.459.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Diệp Cẩm Nhung

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

